TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày: 29/4/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Huỳnh Quốc Khuyên**
Bà **Dương Thị Tú Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Địa chỉ trụ sở: số 194, đường Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nhật Tân; Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Khoa – Phó trưởng phòng – Phòng khách hàng cá nhân.

2. *Đồng bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp A, xã H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Trần Tuyết G, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Nhựt Kh, sinh năm 2006; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu;

Đại diện Ngân hàng, ông Nh xin vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2021 và các lời khai tiếp theo trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Vào ngày 29/11/2018, ông Nguyễn Văn Nh và bà Trần Tuyết G ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 2264/2018/7454831/HĐTD để vay số tiền gốc 350.000.000đ, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; lãi suất vay trong hạn là 11.5%/năm, sau đó được điều chỉnh vào ngày 01/01 và ngày 01/7 hàng năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn; hình thức thanh toán: vốn và lãi trả định kỳ vào ngày 05 hàng tháng. Cùng ngày Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nh, bà G số tiền vay gốc là 350.000.000đ.

Để đảm bảo khoản vay nêu trên, ông Nh và bà G đã ký hợp đồng thế chấp số 348/2018/7454831/HĐBĐ ngày 29/11/2018, thế chấp cho Ngân hàng tài sản là phần đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 891775 do sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp có diện tích 291m^2 đất ở tại nông thôn, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 22; đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Việc thế chấp tài sản trên đã được đăng ký G dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Do ông Nh, bà G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nay Ngân hàng yêu cầu ông Nh, bà G trả số tiền vay tạm tính đến ngày 29.4.2022 tổng cộng là 332.815.883 đồng (trong đó gốc là 277.000.000đ, lãi trong hạn là 52.437.888đ, lãi quá hạn là 3.377.995đ) và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 30.4.2022 cho đến khi ông Nh, bà G thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông Nh, bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Nh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi nêu trên và đồng ý trả toàn bộ số nợ nêu trên cho Ngân hàng.

Đồng bị đơn bà Trần Tuyết G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án cấp, tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày quan điểm*:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn bà Trần Tuyết G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Nh, bà G trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 332.815.883 đồng (trong đó gốc là 277.000.000đ, lãi trong hạn là 52.437.888đ, lãi quá hạn là 3.377.995đ) và áp dụng án lệ số 08/2016/Al được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án. Trường hợp ông Nh, bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là phần đất có diện tích 291m^2 đất ở

tại nông thôn, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 22; đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P theo hợp đồng thế chấp số 348/2018/7454831/HĐBĐ ngày 29/11/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngân hàng có tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Văn Nh, bà Trần Tuyết G; bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu; căn cứ vào Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện P.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng, ông Nguyễn Văn Nh có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bà Trần Tuyết G là đồng bị đơn; anh Nguyễn Nhựt Kh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: Vào ngày 29/11/2018, ông Nguyễn Văn Nh và bà Trần Tuyết G ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng số 2264/2018/7454831/HĐTD để vay số tiền gốc 350.000.000đ, thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân; lãi suất vay trong hạn là 11.5%/năm, sau đó được điều chỉnh vào ngày 01/01 và ngày 01/7 hàng năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay tại thời điểm nợ quá hạn; hình thức thanh toán: vốn và lãi trả định kỳ vào ngày 05 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nh, bà G số tiền vay gốc là 350.000.000đ ngày 29/11/2018.

Quá trình vay và đến kỳ hạn trả nợ ông Nh, bà G chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền gốc là 22.837.000đ và lãi là 9.447.841đ. Do ông Nh, bà G vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển qua nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/4/2022 ông Nh, bà G còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 332.815.883 đồng (trong đó gốc là 277.000.000đ, lãi trong hạn là 52.437.888đ, lãi quá hạn là 3.377.995đ). Ngân hàng yêu cầu ông Nh, bà G trả toàn bộ số tiền gốc, lãi nêu trên và yêu cầu tính lãi phát sinh tính từ ngày 30/4/2022 đến khi trả xong nợ theo hợp đồng tín dụng số 2264/2018/7454831/HĐTD ngày 29/11/2018.

[4] Quá trình làm việc tại Tòa án ông Nguyễn Văn Nh thừa nhận còn nợ số tiền vay gốc và lãi như Ngân hàng trình bày và đồng ý trả số gốc và lãi nêu trên. Đối với bị đơn bà Trần Tuyết G đã được Tòa án thực hiện thủ tục cấp, tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà G không đến Tòa án và không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến của mình, cũng như không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Từ đó có căn cứ xác định việc ông Nh, bà G có vay và hiện còn nợ Ngân hàng là có thật, ông Nh và bà G đã vi phạm nghĩa vụ của người vay là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Từ đó yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Nh và bà G trả nợ vay là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về hợp đồng thế chấp tài sản: để đảm bảo khoản vay các bên đã ký kết hợp đồng thế chấp số 348/2018/7454831/HĐBĐ ngày 29/11/2018. Hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất giữa ông Nh, bà G với Ngân hàng được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, được chứng thực và đăng ký tài sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Theo quy định pháp luật và cam kết trong Hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong Hợp đồng tín dụng. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng: buộc ông Nh, bà G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 332.815.883 đồng (trong đó gốc là 277.000.000đ, lãi trong hạn là 52.437.888đ, lãi quá hạn là 3.377.995đ).

Kể từ ngày 30/4/2022, ông Nh, bà G còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2264/2018/7454831/HĐTD ngày 29/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp ông Nh, bà G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xứ lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 348/2018/7454831/HĐBĐ ngày 29/11/2018 để thu hồi nợ gồm: phần đất có diện tích 291m^2 đất ở tại nông thôn, thửa đất số 96, tờ bản đồ số 22, trên phần đất có căn nhà cấp 04 có chiều ngang 04m, dài 18,6m, mái lợp tol sóng vuông, vách xây tường, nền lát gạch men, cửa sắt kéo (theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 14/02/2022). Nhà và đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tài sản do ông Nh, bà G và anh Kh đang quản lý, sử dụng.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ đã chi phí hết số tiền 750.000đ.Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ; đã dự nộp 1.500.000đ được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ nên hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 750.000đ. Buộc ông Nh, bà G nộp 750.000đ hoàn trả cho Ngân hàng.

[8] Về án phí dân sự giá ngạch buộc ông Nh, bà G phải có nghĩa vụ nộp án phí đối với yêu cầu của ngân hàng được Tòa án chấp nhận. Ngân hàng không phải nộp án phí.

[9] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 323, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam:

Buộc ông Nguyễn Văn Nh và bà Trần Tuyết G trả cho Ngân hàng số tiền 332.815.883 đồng (trong đó gốc là 277.000.000đ, lãi trong hạn là 52.437.888đ, lãi quá hạn là 3.377.995đ), tính đến ngày 29/4/2022.

Kể từ ngày 30/4/2022, ông Nguyễn Văn Nh và bà Trần Tuyết G còn phải chịu khoản nợ lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2264/2018/7454831/HĐTD ngày 29/11/2018.

2/ Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nh, bà G không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản nợ trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 348/2018/7454831/HĐBĐ ngày 29/11/2018 để thu hồi nợ gồm: phần đất ở tại nông thôn có diện tích 291m^2 thuộc thửa đất số 96, tờ bản đồ số 22, trên phần đất có căn nhà cấp 04 có chiều ngang 04m, dài 18,6m, mái lợp tol sóng vuông, vách xây tường, nền lát gạch men, cửa sắt kéo (theo biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 14/02/2022). Nhà và đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tài sản do ông Nh, bà G và anh Kh đang quản lý, sử dụng.

3/ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chổ đã chi hết số tiền 750.000đ, buộc ông Nh, bà G chịu. Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ; đã dự nộp 1.500.000đ được chuyển thu chi phí xem xét, thẩm định tại chổ, hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 750.000đ. Buộc ông Nh, bà G nộp 750.000đ hoàn trả cho Ngân hàng.

4/ Về án phí: Án phí dân sự giá ngạch buộc ông Nh, bà G nộp 16.640.794đ. Hoàn lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí 7.276.000đ tại lai thu số 0004856 ngày 10/11/2021. Các đương sự nộp, hoàn lại án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tạ Văn Cung